

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 601 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 06 tháng 03 năm 2019

V/v triển khai Kế hoạch số
1966/KH-UBND ngày 25/02/2019
của UBND tỉnh

Kính gửi:

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản;
- Phòng Công chứng số 1, 3, 4.

Sở Tư pháp nhận được Kế hoạch số 1966/KH-UBND ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội giai đoạn 2019 – 2020 trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp yêu cầu Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Trưởng phòng Công chứng số 1, 3, 4 nghiên cứu nội dung Kế hoạch và thực hiện đúng quy định về chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc cho công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

Các đơn vị truy cập địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn> mục “Văn bản chỉ đạo điều hành” để nghiên cứu triển khai thực hiện Kế hoạch số 1966/KH-UBND./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Triết Như Vũ



Số: 1966 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG	SỐ: 180
VĂN	NGÀY: 26/02/2019
ĐẾN	CHUYỂN:

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ). Xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm tăng nhanh và bền vững số người tham gia bảo hiểm xã hội, ổn định chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, người sử dụng lao động, người lao động và nhân dân trong nhiệm vụ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

b) Nắm vững quan điểm, mục tiêu, tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng nhanh diện bao phủ đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, lãnh đạo các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

b) Căn cứ các nguyên tắc, chỉ tiêu, tiêu chí và phương pháp xây dựng chỉ tiêu của Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ để xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu cho từng loại đối tượng, theo từng thời gian, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để triển khai, thực hiện.

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp cụ thể, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương.

II. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHYT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

1. Năm 2019

a) Đối tượng thuộc diện phải tham gia:

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 889.810 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 883.024 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 855.348 người.

b) Đối tượng tham gia:

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 818.486 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 6.350 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 786.920 người.

c) Tỷ lệ tham gia (số người tham gia so với số người thuộc diện phải tham gia):

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 92%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 0,71%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 92%.

d) Tốc độ gia tăng của BHXH tự nguyện (so với năm 2018):

Tốc độ gia tăng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện của năm 2019 so với năm 2018 đạt tỷ lệ 50,8%.

2. Năm 2020

a) Đối tượng thuộc diện phải tham gia:

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 898.086 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 874.000 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 865.112 người.

b) Đối tượng tham gia:

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 853.180 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 9.480 người.
- Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 821.860 người.

c) Tỷ lệ tham gia (số người tham gia so với số người thuộc diện phải tham gia):

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 95%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 1,08%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 95%.

d) Tốc độ gia tăng của BHXH tự nguyện (so với năm 2019):

Tốc độ gia tăng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện của năm 2020 so với năm 2019 đạt tỷ lệ 49%.

(Phụ lục đính kèm)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong việc chia sẻ dữ liệu quản lý doanh nghiệp, quản lý lao động, xác định rõ số lao động của các doanh nghiệp thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và yêu cầu người lao động, người sử dụng lao động tham gia đầy đủ theo quy định.

2. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, nhất là thanh tra chuyên ngành bảo hiểm xã hội về đóng bảo hiểm xã hội, tập trung kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp có dấu hiệu trốn đóng, đóng không đủ số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kéo dài, xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Tăng cường đối thoại doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Thống kê, rà soát số lao động làm việc tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, yêu cầu tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và vận động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

4. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện quy trình, thủ tục tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận tham gia và thụ hưởng chế độ, đặc biệt liên quan đến chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện.

5. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, khuyến khích thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, đặc biệt tập trung thực hiện tuyên truyền đối với chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện có sự hỗ trợ một phần tiền đóng của Nhà nước từ ngày 01/01/2018; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

6. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực, mở rộng hệ thống đại lý thu bảo hiểm xã hội; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác điều hành, quản lý bảo hiểm xã hội.

7. Tổ chức đánh giá, thực hiện việc sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ trong quá trình triển khai phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung các giải pháp thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm và giai đoạn 2019 - 2020 cho UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

b) Tiếp tục hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện kê khai việc sử dụng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định.

c) Phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, tập trung các giải pháp tuyên truyền, vận động, đối thoại chính sách với người lao động, người sử dụng lao động.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với những đơn vị, doanh nghiệp cố tình không đóng, đóng không hết số lao động phải tham gia, nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kéo dài.

đ) Hàng năm, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chia sẻ thông tin, dữ liệu về đăng ký, thành lập các doanh nghiệp mới để Bảo hiểm xã hội tỉnh nắm, theo dõi khai thác mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đăng ký lao động theo quy định.

b) Hàng năm, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh xây dựng, đề xuất phương án rà soát, xử lý đối với các doanh nghiệp được cấp phép hoạt động nhưng không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

c) Tổng hợp chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm và giai đoạn 2019 - 2020 cho UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa. Tổ chức triển khai thực hiện chỉ tiêu được giao về phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm và giai đoạn 2019 - 2020.

b) Chỉ đạo cơ quan Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh để đôn đốc, yêu cầu các đơn vị, doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đầy đủ cho người lao động. Kết nối thông tin, dữ liệu với các sở, ban, ngành liên quan quản lý, theo dõi đơn vị, doanh nghiệp đang hoạt động, doanh nghiệp thành lập mới; Người lao động đang làm việc thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai nhiệm vụ chuyên môn, tiến tới thực hiện giao dịch

diện tử đối với tất cả các hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

c) Triển khai đồng bộ có hiệu quả các hình thức thông tin, tuyên truyền chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

d) Thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, tập trung thanh tra các đơn vị, doanh nghiệp cố tình không đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội, chưa tham gia đầy đủ cho số lao động thuộc diện phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.

đ) Đổi mới cơ chế tổ chức thực hiện, chuyển đổi tác phong phục vụ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội; Cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ đảm bảo việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời theo quy định.

e) Xây dựng kế hoạch, mở rộng mạng lưới đại lý thu bảo hiểm xã hội tự nguyện; Có giải pháp khuyến khích các địa phương vận động, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

g) Thực hiện đúng chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội bảo đảm quyền lợi của người tham gia. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả UBND tỉnh theo quy định (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp).

4. Cục Thuế tỉnh: Phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Kết nối thông tin dữ liệu, trao đổi thông tin tự động liên quan đến đơn vị, doanh nghiệp đang hoạt động; số lao động đang làm việc tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Kiểm tra, rà soát lao động, quỹ tiền lương của doanh nghiệp đã quyết toán tài chính, đối chiếu với lao động, quỹ tiền lương kê khai tham gia bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng và dành thời lượng phù hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là về trách nhiệm và quyền lợi của người sử dụng lao động, người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội. Tuyên truyền, vận động người lao động và các tầng lớp nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

7. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh

Chỉ đạo các cấp công đoàn tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, vận động người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; giám sát việc thực thi pháp luật tại các đơn vị, doanh nghiệp và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm; kiến

ngộ hoàn thiện quy định về việc giao thẩm quyền khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động theo quy định tại Khoản 8, Điều 10 Luật Công đoàn. Tham gia thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội.

8. UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

a) Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương, trình HĐND cùng cấp quyết định. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương thực hiện các giải pháp quản lý chặt chẽ số doanh nghiệp đang hoạt động, số lao động đang làm việc và số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tăng tính tuân thủ trong tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đầy đủ cho người lao động.

d) Xây dựng kế hoạch triển khai, đôn đốc, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, đặc biệt là tăng cường vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

đ) Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo về thực hiện chỉ tiêu phát triển bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh. Định kỳ ngày 25 tháng cuối quý tổng hợp báo cáo kết quả triển khai tình hình thực hiện nhiệm vụ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị được phân công. Định kỳ 06 tháng, báo cáo gửi Sở lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ (A+B);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị tại Mục IV;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

Phụ lục

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC,
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN VÀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2019 - 2020**

(Đính kèm Kế hoạch số: 1966/KH-UBND ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh)

1. Năm 2019

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị	Năm 2019									
		Lực lượng lao động	Bảo hiểm xã hội bắt buộc			Bảo hiểm xã hội tự nguyện			Bảo hiểm thất nghiệp		
			Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tốc độ gia tăng so với 2018 (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TP. Biên Hòa	552.570	378.761	348.460	92	204.110	1.480	150	365.891	336.620	92
2	TX. Long Khánh	83.950	30.880	28.410	92	55.540	480	150	29.239	26.900	92
3	Huyện Tân Phú	92.510	6.365	5.856	92	86.654	490	151	5.098	4.690	92
4	Huyện Vĩnh Cửu	83.810	54.729	50.350	92	33.460	480	150	52.826	48.600	92
5	Huyện Định Quán	118.450	13.598	12.510	92	105.940	450	150	12.272	11.290	92
6	Huyện Trảng Bom	171.450	145.087	133.480	92	37.970	480	150	139.750	128.570	92

7	Huyện Thống Nhất	92.260	7.543	6.940	92	85.320	480	150	6.587	6.060	92
8	Huyện Cẩm Mỹ	86.680	5.185	4.770	92	81.910	490	151	4.239	3.900	92
9	Huyện Long Thành	132.170	71.043	65.360	92	66.810	480	150	68.73p9	63.240	92
10	Huyện Xuân Lộc	134.530	36.652	33.720	92	100.810	530	151	34.359	31.610	92
11	Huyện Nhơn Trạch	153.270	139.967	128.770	92	24.500	510	156	136.348	125.440	92
Tổng cộng		1.701.650	889.810	818.626	92	883.024	6.350	150,8	855.348	786.920	92

2. Năm 2020

Đơn vị tính: Người

STT	Đơn vị	Năm 2020									
		Lực lượng lao động	Bảo hiểm xã hội bắt buộc			Bảo hiểm xã hội tự nguyện			Bảo hiểm thất nghiệp		
			Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tốc độ gia tăng so với 2019 (%)	Đối tượng thuộc diện phải tham gia	Đối tượng tham gia	Tỷ lệ tham gia (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TP. Biên Hòa	560.860	383.695	364.510	95	196.350	2.230	151	371.526	352.950	95
2	TX. Long Khánh	85.210	30.884	29.340	95	55.870	720	150	29.284	27.820	95
3	Huyện Tân Phú	93.900	6.389	6.070	95	87.830	730	149	5.147	4.890	95
4	Huyện Vĩnh Cửu	85.070	55.474	52.700	95	32.370	720	150	53.621	50.940	95
5	Huyện Định Quán	120.230	13.474	12.800	95	107.430	680	151	12.189	11.580	95

6	Huyện Trảng Bom	174.020	145.758	138.470	95	35.550	720	150	140.579	133.550	95
7	Huyện Thống Nhất	93.640	7.653	7.270	95	86.370	720	150	6.716	6.380	95
8	Huyện Cẩm Mỹ	87.980	5.253	4.990	95	82.990	730	149	4.347	4.130	95
9	Huyện Long Thành	134.150	71.779	68.190	95	65.960	720	150	69.568	66.090	95
10	Huyện Xuân Lộc	136.550	36.811	34.970	95	101.580	790	149	34.567	32.840	95
11	Huyện Nhơn Trạch	155.570	140.916	133.870	95	21.700	720	141	137.568	130.690	95
Tổng cộng		1.727.180	898.086	853.180	95	874.000	9.480	149	865.112	821.860	95

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

